

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HS-ST
Ngày: 10 – 01 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn;
Ông Trần Minh Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Hiếu-Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2021/TLST-HS, ngày 12 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-HS, ngày 19 tháng 11 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 92/TB-TA, ngày 17 tháng 12 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Huỳnh Văn T**, sinh ngày 01/01/1989 tại Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn L và bà Phạm Thị H; Tiền án và tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2021 đến nay, bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: **Danh T**, sinh năm 1987 tại Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh Đ và bà Danh Thị L; Tiền án và Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2021 đến nay, bị cáo có mặt.

**Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn T:* Ông Nguyễn Văn N, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

**Bị hại:*

1. Bà Bùi Thị L, sinh năm 1964, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1997, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bà Tạ Thị V, sinh năm 1955, cư trú tại: Ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, vắng mặt.

**Người làm chứng:*

1- Ông Lê Minh Đ, sinh năm 1972, vắng mặt.

2- Ông Võ Văn T, sinh năm 1963, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Huỳnh Văn T và bị cáo Danh T là bạn bè cùng xóm với nhau. Trong khoảng thời gian từ ngày 10/7/2021 đến ngày 26/7/2021, hai bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần như sau:

Lần thứ nhất: Vào đêm ngày 09/7/2021, T đến nhà Th chơi và ngủ lại đây, đến khoảng 04 giờ 30 phút ngày 10/7/2021, sau khi ngủ thức dậy, Th mới rủ T đến nhà bà Bùi Thị L, sinh năm 1964, ngụ cùng ấp, cách nhà Th khoảng 50 mét, để lấy trộm tài sản, T đồng ý. Sau đó, Th và T đi bộ qua nhà bà L, khi đến trước cổng nhà bà L, thấy trong nhà còn mở đèn sáng nhưng cửa nhà trước đóng và khóa lại bằng ổ khóa bên ngoài. Lúc này, Th nhìn thấy đoạn sắt dài khoảng 40cm, nên Th lấy cầm trên tay rồi mở hàng rào đi vào sân nhà bà L, T cũng đi theo sau. Khi đi đến trước cửa nhà bà L, Th dùng cây sắt cạy bung khoen khóa cửa và mở cửa ra đi vào trong nhà, T đi theo sau. Khi vào trong nhà, T đứng gần cửa để canh đường, còn Th quan sát thấy 01 chiếc Ipad (máy tính bảng) của bà L để ở trên đầu giường ngủ, nên Th lấy chiếc Ipad cầm trên tay phải. Lúc đó, T nhìn thấy 02 chiếc xe mô tô đang đậu trong nhà, nên T dẫn chiếc xe biển kiểm soát 83C1-272.xy để qua một bên. Đồng thời, T nhìn thấy chìa khóa xe để ở trên đầu tủ thờ, cặp bên chiếc xe đang đậu, nên dùng tay trái lấy chiếc chìa khóa cắm vào ổ khóa xe mô tô. Sau đó, T đi lại đứng cặp bên cửa, còn Th dùng tay trái mở cốp xe mô tô biển số 83C1-272.xy, nhìn thấy có chiếc ví (bóp nam) màu nâu. Th mở chiếc ví ra kiểm tra thấy có nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau, Th lấy hết số tiền để vào trong túi quần phía sau bên phải, không kiểm tra cụ thể bao nhiêu, rồi để lại chiếc ví vào trong cốp xe và đóng yên xe lại (*số tiền này là của anh Nguyễn Ngọc C-con của bà L*). Sau đó, Th và T cùng nhau đi bộ về nhà của Th, khi về đến nhà Th kiểm tra lại số tiền vừa lấy trộm được

là 260.000 đồng (Hai trăm sáu mươi nghìn đồng), còn chiếc Ipad, Th cất giấu ở phía dưới gối nằm trong nhà. Sau khi bị mất trộm tài sản, bà L trình báo sự việc đến Công an thị trấn K. Trong quá trình điều tra, Th và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Lần thứ hai: Vào khoảng 13 giờ ngày 26/7/2021, hai bị cáo Th và T cùng nhau đi bộ từ ấp T, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng về thị trấn K, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Khi đi đến nhà của bà Tạ Thị V, sinh năm 1955, ngụ Ấp P, xã A, huyện K, hai bị cáo nhìn thấy cửa nhà trước đóng, nhưng chỉ có khung bằng nhôm, chưa được gắn kính và không có người ở trong nhà. Đồng thời nhìn thấy trong nhà có 02 chiếc xe gắn máy nên Th rủ T vào lấy trộm xe, T đồng ý. Lúc này, Th chui vào trong nhà bà V trước, T chui vào sau. Sau khi vào trong nhà, hai bị cáo kéo chiếc tủ chắn ngang cửa nhà sau qua một bên, T dẫn chiếc xe gắn máy biển kiểm soát 83CA-011.xx, đang đậu trong nhà đến cửa nhà sau, còn Th dùng tay nắm bánh xe trước kéo ra khỏi nhà sau. Khi dẫn chiếc xe ra khỏi nhà sau, Th rút dây điện xe gắn máy biển kiểm soát 83CA-011.xx, còn T đạp xe nổ máy và điều khiển chiếc xe này chở Th về nhà. Sau đó, hai bị cáo sử dụng chiếc xe lấy trộm của bà V để lưu thông thì bị phát hiện. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra–Công an huyện Kế Sách, hai bị cáo Th và T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 42/BB ngày 21/7/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kế Sách kết luận: Một Ipad 10.2 Wifi 32 GB gold, mua mới ngày 31/3/2020 giá trị còn lại 74,83%, thành tiền là 7.337.081 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản mà hai bị cáo trộm tại nhà bà L là 7.597.081 đồng.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 50/BB ngày 29/7/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kế Sách kết luận: Một xe máy hiệu FUTIRFI biển kiểm soát 83CA-011.xx, xe đăng ký lần đầu ngày 27/7/2009, giá trị thực tế còn lại 25%, thành tiền là 2.250.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà hai bị cáo Th và T đã chiếm đoạt trong 02 lần là: **9.847.081** đồng.

- Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKS-H.KS, ngày 11/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng để xét xử các bị cáo Huỳnh Văn T và Danh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Hai bị cáo Huỳnh Văn T và Danh T đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách truy tố. Hai bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tóm tắt lại hành vi phạm tội của hai bị cáo, sau khi luận tội, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị

áp dụng: Khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt mỗi bị cáo từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù.

- Người bào chữa cho bị cáo Th trình bày: Về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Th, ông thống nhất theo Cáo trạng mà đã truy tố. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là nghiêm khắc, vì bị cáo nghèo khổ, khó khăn nên phải lấy trộm tài sản của người khác tiêu xài, nên đề nghị tuyên phạt bị cáo Th 01 năm tù là phù hợp và miễn án phí cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Kế Sách, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng; Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại và người làm chứng bà Bùi Thị L, bà Tạ Thị V, anh Nguyễn Ngọc C, ông Lê Minh Đ và ông Võ Văn T đều vắng mặt không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét thấy, trong quá trình điều tra, những người này đã có lời khai rõ ràng về các tình tiết của vụ án và việc vắng mặt của họ cũng không làm ảnh hưởng, không gây trở ngại đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 293 và khoản 3 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh Văn T và Danh T đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Xét thấy, lời nhận tội của hai bị cáo là phù hợp với lời khai của hai bị cáo tại Cơ quan Điều tra, hoàn toàn phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại và lời khai của người làm chứng. Ngoài ra, sự thật vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan Điều tra đã thu thập được. Đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Vào khoảng 04 giờ 30 phút, ngày 10/7/2021, tại nhà của bà Bùi Thị L, thuộc Ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, các bị cáo Huỳnh Văn T và Danh T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 máy tính bảng Ipad 10.2 wifi

32GB có giá trị 7.337.081 đồng của bà L cùng với số tiền 260.000 đồng của anh Nguyễn Ngọc C (con bà L), tổng giá trị 7.597.081 đồng. Vào ngày 26/7/2021, tại nhà của bà Tạ Thị V, thuộc Ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, hai bị cáo Th và T tiếp tục có hành vi lén lút chiếm đoạt một xe máy hiệu FUTIRFI, biển kiểm soát 83CA-011.xx, có giá trị 2.250.000 đồng, của bà V. Tổng giá trị tài sản trong 02 lần mà hai bị cáo chiếm đoạt là 9.847.081 đồng, hành vi của hai bị cáo Th và T đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, như Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đã truy tố, là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tài sản mà các bị cáo lấy trộm đã được thu hồi và trả lại cho bị hại (đối với số tiền 260.000 đồng, bị hại C không yêu cầu các bị cáo bồi thường), nên được áp dụng tình tiết phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội hai bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, các bị cáo đều thuộc diện hộ nghèo, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, riêng bị cáo T là người dân tộc thiểu số, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được xem xét áp dụng cho các bị cáo khi lượng hình.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đã hai lần cùng nhau thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị trên 2.000.000 đồng, nên phải áp dụng cho hai bị cáo tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về hình phạt: Hành vi phạm tội mà hai bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất an ninh trật tự xã hội ở địa phương. Các bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” với tính chất, mức độ như nhau và thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, căn cứ mức hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là từ 06 tháng tù đến 03 năm tù, trên cơ sở căn nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử nghiêm hai bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn tại cơ sở giam giữ, nhằm cải tạo, giáo dục hai bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, góp phần vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại bà Bùi Thị L và bà Tạ Thị V đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Bị hại anh Nguyễn Ngọc C cũng không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 260.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ và trả lại tài sản cho các bị hại là đúng quy định của pháp luật, nên không đặt ra xem xét xử lý lại, cụ thể như sau: Trả cho bà Tạ Thị V

01 xe máy hiệu FUTIRFI biển kiểm soát 83CA-011.xx và trả cho bà Bùi Thị L 01 máy tính bảng Ipad 10.2 wifi 32GB. Đối với 01 khoen cửa bằng kim loại bị biến dạng của bà L, vật chứng này không còn giá trị sử dụng, người bị hại cũng không yêu cầu nhận lại, nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Hai bị cáo thuộc hộ nghèo, cho nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, cho nên hai bị cáo Th và T được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Th về tội danh, khung hình phạt, việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và miễn án phí cho bị cáo Th là có căn cứ chấp nhận; Về mức hình phạt áp dụng cho bị cáo Th 01 năm tù là chưa phù hợp, nên không được chấp nhận.

[11] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 17 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Huỳnh Văn T và bị cáo Danh T.

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn T và bị cáo Danh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/7/2021. Xử phạt bị cáo Danh T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/7/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đều không yêu cầu, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tịch thu, tiêu hủy 01 (Một) khoen cửa bằng kim loại bị biến dạng (Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng).

5. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho hai bị cáo Th và T.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày giao nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền hoãn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- CAND huyện Kế Sách;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Vinh Thắng